

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST

Ngày: 29/10/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng mượn tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh H.

2. Ông Nguyễn Ngọc Nh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 140/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Bình Tây 2, xã Bình Hòa T, huyện H, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp Bình Tây 2, xã Bình Hòa T, huyện H, tỉnh L. (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Bình Tây 2, xã Bình Hòa T, huyện H, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp Bình Tây 2, xã Bình Hòa T, huyện H, tỉnh L

Bà L có mặt; ông Đ vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Th vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T: Ông Trần Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Duy Th phải trả cho ông T 12.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Nguyễn Duy Th: Ông Nguyễn Duy Th vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Trần Thanh T cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản photto), sổ hộ khẩu (bản photto), biên bản hòa giải ngày 30/8/2017 của UBND xã Bình Hòa T, biên bản ngày 25/5/2019 của UBND xã Bình Hòa T, đơn xác nhận cư trú.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Duy Th cung cấp: Không.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết ông Trần Thanh T trình bày: Năm 2015, ông Th có hỏi ông Đ mượn xe mô tô YAMAHA hiệu SIRUS biển kiểm soát 62T1- 013.42 (do ông Trần Thanh T là chủ sở hữu) để cầm cố lấy tiền trả nợ. Sau khi cầm, ông Th không chuộc xe nên tiệm cầm đồ đã thanh lý xe. Ông T có làm đơn gửi UBND xã Bình Hòa T, huyện H yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2017 của UBND xã Bình Hòa T, huyện H hai bên thống nhất giá trị chiếc xe còn lại là 12.000.000đ, ông Th hứa trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, bắt đầu từ ngày 01/12/2017 cho đến khi hết số tiền 12.000.000đ nhưng từ đó đến nay ông Th không thực hiện trả tháng nào.

Bà L đề nghị không công khai bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét thấy, tranh chấp phát sinh xuất phát từ việc cho mượn tài sản nên quan hệ pháp luật là “Hợp đồng mượn tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Duy Th có địa chỉ tại xã Bình Hòa T, huyện H, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Duy Th và ông Trần Văn Đ:* Ông Trần Văn Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Duy Th đã được

Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ và ông Th.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T đối với số nợ gốc:

Ông Trần Thanh T khởi kiện và cung cấp chứng cứ là các biên bản hòa giải tại UBND xã Bình Hòa T; ông Nguyễn Duy Th vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của ông T nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài liệu, chứng cứ của ông T cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo các tài liệu trên thể hiện việc ông T đồng ý cho ông Th mượn xe để cầm cố lấy tiền sử dụng, sau khi ông Th không trả được nợ cho tiệm cầm đồ thì xe đã bị thanh lý, hai bên lại thỏa thuận ông Th có nghĩa vụ trả 12.000.000đ bằng cách trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/12/2017 nên căn cứ vào Điều 92 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 494 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông Th, buộc ông Th có nghĩa vụ trả ông T 12.000.000 đồng.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Ông T yêu cầu trả một lần, ông Th vắng mặt nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Duy Th phải chịu số tiền 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 494 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mượn tài sản của ông Trần Thanh T đối với ông Nguyễn Duy Th, buộc ông Th có nghĩa vụ trả cho ông T 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc ông Nguyễn Duy Th phải chịu số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số 0002851 ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Đối với khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện H;
- CC.THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khánh Hội Nguyễn Ngọc Như

Nguyễn Thanh Liêm